TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2024/HS-ST
Ngày: 16/5/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

Thẩm phán: Ông Trương Công Huấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hoan

2. Bà Nguyễn Thị Nở

3. Bà Lê Thị Xuân Lang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 256/2024/HSST, ngày 29/3/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2060/2024/QĐXXST-HS ngày 22/4/2024 đối với bị cáo:

Hoàng Hữu H, sinh năm 1993 tại tỉnh T; nơi cư trú:70 Đặng Thái T, phường T, thành phố H, tỉnh T; chỗ ở: 627 đường Hoàng S, phường V, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Hữu H1 và bà Đỗ Thị N A; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 28/01/2022 (có mặt tại phiên toà).

+ Người bào chữa: Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh T, Văn phòng Luật sư Quỳnh T, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Hoàng Hữu H (có mặt).

Bị hại:

1.Ông Trần Đông H2, sinh năm 1967; Địa chỉ: 199 Nguyễn Văn Đ, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Xuân T, sinh năm 1979; Địa chỉ: 1 Nam H, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Ông Nguyễn Duy T1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Chung cư 9 Trường S,

Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

3. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1957; Địa chỉ: 62 Khu dân cư T, Phường P, Thành phố T (xin vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1964; Địa chỉ: 1 Lý Tự T, Phường V, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1993; Địa chỉ thường trú: K22 Nguyễn Văn T, Sơn T, Đà N, nơi ở: Cư xá Xuân Thủy K, 137 đường H, phường V, TP. H, tỉnh T (xin vắng mặt).

6. Ông Huỳnh N Duy T2, sinh năm 1981; Địa chỉ: B4 Chung cư E, 167 Trần Trọng C, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/12/2020, Hoàng Hữu H là nhân viên bán hàng (sale) của Công ty Nreal thuộc Công ty cổ phần tập đoàn địa ốc N (Nland), địa chỉ số 125 đường Cách M, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. H có nhiệm vụ tìm kiếm, giới thiệu khách hàng đối với các dự án bất động sản do Công ty Nland tư vấn, môi giới, không được thu bất cứ khoản tiền nào của khách hàng, chỉ được hưởng hoa hồng đối với các giao dịch môi giới bất động sản thành công, thời hạn ký hợp đồng dịch vụ với công ty Nreal đến ngày 22/12/2021, nhưng đến ngày 01/08/2021 Công ty Nland đã thông báo chấm dứt Hợp đồng dịch vụ với H.

Trong thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 8/2021, do tham gia đầu tư thua lỗ nên H đã nảy sinh ý định liên hệ với khách hàng cũ của Công ty Nland mà trước đây H đã từng liên hệ, giao dịch khi còn làm nhân viên của Công ty Nreal, nhằm kêu gọi những người này đầu tư bằng hình thức đóng tiền cọc 200.000.000 đồng để giữ chỗ mua căn hộ Shophouse của dự án A tại Thành phố B, tỉnh Đ(dự án này do công ty Nland phân phối). H cam kết trong vòng 01 tuần sẽ thu lợi nhuận 50.000.000 đồng/01 suất đặt cọc giữ chỗ, nhằm mục đích chiếm đoạt tiền, sử dụng vào mục đích cá nhân. Bằng hình thức trên, H đã chiếm đoạt tiền của các khách hàng cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 17/9/2021, Hoàng Hữu H gọi điện cho ông Trần Đông H2, chào bán căn hộ Shophouse của dự án A tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. H nói suất đặt cọc giữ chỗ là 200.000.000 đồng và trong vòng 01 tuần bán lại sẽ có lợi nhuận 50.000.000 đồng. Do tin tưởng nên ông H2 đồng ý đóng tiền đặt cọc giữ chỗ mua 04 căn hộ, ông H2 chuyển 800.000.000 đồng vào tài khoản 19033541572011 của H mở tại ngân hàng T, với nội dung " chuyển tiền mua Shophouse SH3-4.il, SH3-4.12 A Phoenix, mua booking 2 Shophouse SH3-4.13, SH3-4.14 A Phoenix". Sau khi nhận được tiền của ông H2, H gọi điện thoại, nhắn tin báo cho ông H2 biết ngày 18/9/2021 sẽ chuyển giấy tờ đặt cọc

cho ông H2. Đến ngày 18 và 19/9/2021, ông H2 nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin cho H để lấy hồ sơ đặc cọc mua căn hộ thì H nói đã chốt hồ sơ 03/04 căn hộ và tiếp tục nói ông H2 mua thêm 02 căn nữa thì mới chốt được hồ sơ 04 căn hộ đã đặt mua trước đó, nhưng ông H2 không đồng ý. Nghi ngờ đã bị H lừa đảo chiếm đoạt 800.000.000 đồng, nên ông H2 tìm hiểu thì được biết H không còn là nhân viên Công ty Nland, H không chuyển tiền đặt cọc về cho công ty mà chiếm đoạt 800.000.000 đồng của ông H2.

Vụ thứ hai: Ngày 17/9/2021, H gọi điện cho ông Nguyễn Duy T1 (thông qua giới thiệu của ông H2) tư vấn về việc đặt cọc giữ chỗ mua căn hộ Shophouse của dự án A tại Thành phố B, tỉnh Đồng nai, với số tiền 200.000.000 đồng/01 suất, trong vòng 01 tuần, H sẽ tìm người sang lại và H sẽ giao giấy nhận đặt cọc của công ty Nland cho ông T1, H hứa hẹn mỗi suất đặt cọc khi sang nhượng sẽ lời 50.000.000 đồng, nếu không sang nhượng được thì sẽ làm thủ tục huỷ hợp đồng đặt cọc với Công ty Nland và nhận lại đủ tiền đã đặt cọc. Do tin tưởng nên ông T1 đồng ý đặt cọc tiền giữ chỗ mua 02 căn hộ, cùng ngày ông T1 đã sử dụng internet banking chuyển 400.000.000 đồng vào tài khoản 19033541572011 của H tại ngân hàng T. Sau khi chuyển tiền cho H, ông T1 nhiều lần yêu cầu H cung cấp giấy biên nhận đặt cọc, nhưng H hứa hẹn, rồi cắt liên lạc, nên ông T1 tìm hiểu, được biết H không còn là nhân viên công ty Nreal, H không chuyển tiền đặt cọc về cho công ty mà chiếm đoạt 400.000.000 đồng của ông T1.

Vụ thứ ba : Ngày 18/9/2021, H gọi điện cho bà Phạm Thị C giới thiệu công ty Nland đang có suất ưu đãi đặc cọc giữ chỗ mua căn hộ Shophouse của dự án A, thành phố B, tỉnh Đvới giá nội bộ cho nhân viên công ty nên được ưu đãi và cho biết đã tìm được khách mua 02 căn hộ Shophouse liền kề, sẽ sang nhượng lại quyền mua với giá chênh lệnh là 100.000.000 đồng, trong thời gian 01 tuần sẽ giải quyết xong. H nói với bà C cần 400.000.000 đồng để thực hiện, nhưng H không có tiền, nên đề nghị bà C bỏ ra 400.000.000 đồng để đóng tiền đặt cọc giữ chỗ, khi bán được bà C sẽ nhận lại 400.000.000 đồng tiền đầu tư và 100.000.000 đồng tiền lãi,còn H chỉ nhận phí hoa hồng khi bán được hàng cho Công ty. Do tin tưởng nên ngày 19/9/2021 bà C đã chuyển khoảng 70.000.000 đồng vào tài khoản số 19033541572011 của H tại ngân hàng T. Đến ngày 20/9/2021, bà C tiếp tục 02 lần chuyển khoản 130.000.000 đồng vào tài khoản số 19033541572011 của H tại ngân hàng T. Sau khi bà Cchuyển tiền thì H không chuyển tiền đặt cọc về cho công ty mà chiếm đoạt 200.000.000 đồng của bà Chi.

Vụ thứ tư: Ngày 15/9/2021,H gọi điện cho bà Nguyễn Thị Minh T giới thiệu là nhân viên bán hàng cho Công ty Nreal, tư vấn cho bà T đặt cọc suất giữ chỗ dự án A - Đ, H nói với bà T do đang trong thời gian giãn cách xã hội nên các bộ phận của công ty chỉ làm việc online mà không làm việc trực tiếp tại công ty. Các thủ tục giao dịch đều qua nhân viên tư vấn, chuyển hồ sơ của khách hàng tới mail, tài khoản của Nland, sau đó Nland chuyển "Giấy đăng ký giữ

chỗ" tới khách hàng qua thư điện tử. Do tin tưởng ngày 16/9/2021, bà T đã chuyển tiền vào tài khoản của H số 19033541572011 mở tại ngân hàng T số tiền 70.000.000 đồng và lần thứ 2 vào ngày 17/9/2021, bà T chuyển cho H 100.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền của bà T thì H có chuyển qua Zalo cho bà T xem hình ảnh lệnh H chuyển tiền cho Công ty Nland số tiền 100.000.000 đồng. Đến ngày 25/9/2021, bà T lên mail xem thì được công ty Nland thông báo cho biết H đã bị công ty cho nghỉ việc từ ngày 25/7/2021, sau đó bà T gọi đến Công ty Nland thì được biết H không chuyển tiền đặt cọc giữ chỗ về công ty mà chiếm đoạt của bà T số tiền 170.000.000 đồng

Vụ thứ năm: Ngày 28/8/2021, H gọi điện cho ông Nguyễn Thành N, giới thiệu một số dự án của Công ty như A, N World - PT, N World - HT để đầu tư, H nói có suất ưu đãi nội bộ áp dụng cho cán bộ công nhân viên để kêu gọi anh Nhân hợp tác đầu tư mua căn Shophouse tại khu A - B, tỉnh Đvà hứa hẹn sẽ chia lợi nhuận 30% trên số tiền bỏ ra đầu tư và thu hồi vốn cùng lợi nhuận chậm nhất là vào ngày 13/9/2021. Do tin tưởng nên vào ngày 09/09/2021 anh N chuyển cho H số tiền 200.000.000 đồng và bị H chiếm đoạt.

Vụ thứ sáu: Vào khoảng đầu tháng 9 /2021, H gọi điện thoại cho ông Huỳnh N Duy T2 giới thiệu là nhân viên kinh doanh của Công ty cổ phần tập đoàn địa ốc N (Nland) để tư vấn cho ông T2 mua nhà phố tại dự án NlWorld HT thuộc tỉnh BRVT, ông T2 đồng ý mua 01 căn và chuyển 100.000.000 đồng cho H để đặt suất giữ chỗ. Đến tháng 11/2021, ông T2 ký hợp đồng đặt cọc với người môi giới tên N, H nói với ông T2 N là người làm chung nhóm nên để N đứng ra làm môi giới nhằm tạo doanh số, sau khi ký hợp đồng ông T2 đã chuyển cho H 1.400.000.000 đồng nhằm đặt cọc mua căn hộ. Sau đó, cũng trong khoản thời gian tháng 11/2021, H đặt vấn đề mượn tiền để kinh doanh mua các căn phố, biệt thự tại các dự án của công ty Nland và bán lại cho khách hàng để hưởng chênh lệch, H sẽ chia lợi nhuận cho ông T2 10% trên số tiền thu lợi khi bán căn hộ nêu trên ông T2 đồng ý. Từ ngày 13/10/2021 đến ngày 07/01/2022, ông T2 đã chuyển vào tài khoản cho H tổng cộng 12.619.000.000 đồng, sau đó H chuyển đóng tiền hợp đồng đặt cọc nhà phố mã sản phẩm dự án N-B.02-06 thuộc dự án On BC cho ông T2 với số tiền 1.191.968.709 đồng, chuyển trả lại cho ông T2 tổng số tiền 4.900.000.000 đồng. Khi ông T2 đòi lại tiền thì H viết giấy thoả thuận vay tiền và cam kết sẽ trả cho ông T2 số tiền này thành 02 đợt vào ngày 20/02/2022 và ngày 20/03/2022 nhưng sau đó ông T2 và các bị hại khác nộp đơn tố cáo H lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Hoàng Hữu H khai nhận toàn bộ số tiền sau khi các khách hàng chuyển H đã sử dụng vào mục đích trả tiền đầu tư kinh doanh tiền điện tử bị thua lỗ và tiêu xài cá nhân, lời khai của H phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án.

Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, gia đình bị cáo có cung cấp thêm tài liệu thể hiện đã trả cho ông Nguyễn Thành N số tiền 200.000.000 đồng, bà Phạm Thị

C số tiền 20.000.000 đồng, ông N và bà C có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo H và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSTPHCM-P2 ngày 04/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Hoàng Hữu H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hoàng Hữu H đã thừa nhận các hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai. Bị hại ông Huỳnh Ngọc Duy T2 và bị cáo Hoàng Hữu H đối chiếu xác nhận số tiền bị cáo H chiếm đoạt của ông T2 là 6.400.000.000 đồng.

Sau khi kiểm tra toàn bộ lời khai của bị cáo, cùng với các tài liệu chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diệnViện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Hoàng Hữu H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4, Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Hoàng Hữu H từ 18 đến 20 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2022.

Buộc bị cáo bồi thường về dân sự cho: Ông Trần Đông H2 số tiền 800.000.000 đồng; ông Nguyễn Duy T1 số tiền 400.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Minh T số tiền 170.000.000 đồng; ông Huỳnh Ngọc Duy T2 số tiền 6.400.000.000 đồng. Xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh T bào chữa cho bị cáo Hoàng Hữu H trình bày: không tranh luận về tội danh, điều khoản truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét một số tình tiết giảm nhẹ như bị cáo không dùng hình thức lừa đảo tinh vi xảo quyệt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại, bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, trước khi bị bắt bị cáo là người thờ cúng Liệt sĩ Hoàng Hữu Q, bị cáo là lao động chính trong gia đình lo cho cha mẹ nên đề nghị xem xét áp dụng các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 để xử bị cáo mức án thấp nhất. Đồng thời, đề nghị xem xét số tiền bị cáo nợ ông T2 chỉ là giao dịch dân sự giữa hai bên, không phải là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố.

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về gia đình, hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Hữu H, luật sư bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hoàng Hữu H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu trên. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định: Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Hoàng Hữu H đã đưa ra thông tin gian dối, liên hệ với các khách hàng của Công ty Nland mà trước đây H đã từng liên hệ, giao dịch khi còn là nhân viên của Công ty Nland, kêu gọi những người này đầu tư bằng hình thức đóng tiền đặt cọc để giữ chỗ mua căn hộ Shophouse của dự án A tại thành phố B, tỉnh Đ(dự án do Công ty Nland phân phối), H cam kết trong vòng 01 tuần sẽ thu lợi nhuận 50.000.000 đồng/01 suất đặt cọc giữ chỗ. Do tin tưởng nên ông Trần Đông H2 đã chuyển 800.000.000 đồng, ông Nguyễn Duy T1 đã chuyển 400.000.000 đồng, bà Phạm Thị C đã chuyển 200.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Minh T đã chuyển 170.000.000 đồng, ông Nguyễn Thành N đã chuyển 200.000.000 đồng. Ngoài ra, H còn mượn tiền của ông Huỳnh Ngọc Duy T2 với lý do để kinh doanh mua các căn phố biệt thự tại các dự án của Công ty Nland và bán lại cho khách hàng để hưởng chênh lệch, chia lợi nhuận cho ông T2 10% trên số tiền thu lợi khi bán các căn hộ nêu trên. Nhưng thực tế H sử dụng tiền của ông T2 để trả tiền đầu tư kinh doanh tiền điện tử bị thua lỗ và tiêu xài cá nhân, chiếm đoạt của ông T2 số tiền 6.400.000.000 đồng. Tổng số tiền H chiếm đoạt của các bị hại là 8.170.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, xét đã có cơ sở để kết tội bị cáo Hoàng Hữu H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bản cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội do bị cáo gây ra đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung đối với xã hội. Bị cáo phạm tội nhiều lần, đối với nhiều người nên còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội từ 02 lần trở lên"

được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo đã bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại, bị hại ông Nhân, bà C có đơn bãi nại cho bị cáo nên xét có thể áp dụng điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

Lập luận trên cũng là cơ sở để chấp nhận các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Luật sư bào chữa đề nghị và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Ngoài ra, Hoàng Hữu H còn có hành vi mượn ông Trần Tuấn A số tiền 370.000.000 đồng, mượn của ông Nguyễn Bá N số tiền 200.000.000 đồng và mượn của bà Nguyễn Thị Tường V 100.000.000 đồng, do đến hẹn không trả nên các ông bà trên có đơn tố cáo. Quá trình điều tra xác định đây là giao dịch vay mượn dân sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét xử lý về hành vi trên là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Nguyễn Thành N và bà Phạm Thị C không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Cần buộc bị cáo Hoàng Hữu H bồi thường cho các bị hại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt cụ thể:

Ông Trần Đông H2 số tiền 800.000.000 đồng; ông Nguyễn Duy T1 số tiền 400.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Minh T số tiền 170.000.000 đồng; ông Huỳnh Ngọc Duy T2 số tiền 6.400.000.000 đồng. Thi hành một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Đối với 01 điện thoại của bị cáo xét thấy bị cáo sử dụng điện thoại vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hoàng Hữu H 16 (mười sáu) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2022.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Hoàng Hữu H bồi thường cho các bị hại số tiền cụ thể: Ông Trần Đông H2 số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng; ông Nguyễn Duy T1 số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng; bà Nguyễn Thị Minh T số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng; ông Huỳnh N Duy T2 số tiền 6.400.000.000 (sáu tỷ bốn trăm triệu) đồng. Thi hành một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu đen (thực nhận 01 điện thoại màu đen:…8313, bể màn hình, không kiểm tra đời máy, imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

(Theo biên bản giao nhận tang vài vật số NK2024/220 ngày 18/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giám, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Buộc bị cáo Hoàng Hữu H phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 116.170.000 (một trăm mười sáu triệu một trăm bảy mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Luật sư; (1)
- Bị hại; (6)
- THAHS TP.HCM; (1)
- PV06-CA TP. HCM; (1)
-UBND xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (25) (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên